

Tân Châu, ngày 30 tháng 12 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 145 /GPXD

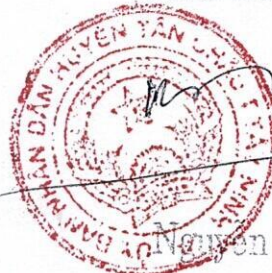
(Sử dụng cấp cho dự án)

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nông Trang Xanh.
Địa chỉ: Số 235 Bờ Lồi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín. Giấy phép gồm các công trình:
 - a) Tổng số công trình: 67 công trình (theo bảng thống kê chi tiết đính kèm).
 - b) Công trình số (1-n): 01 – 67 công trình (theo bảng thống kê chi tiết đính kèm).
 - c) Theo thiết kế: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.
 - d) Do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Phát lập.
 - e) Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Trần Hoàng Tuấn.
 - f) Đơn vị thẩm định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.
 - g) Đơn vị thẩm tra: Trung tâm Quy hoạch và Giám định chất lượng xây dựng.
 - h) Gồm các nội dung sau:
 - Vị trí xây dựng: Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54, tổng diện tích đất 116.562m², tại xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
 - Cốt nền xây dựng công trình: Theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm định.
 - Mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất: Theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm định.
 - Màu sắc công trình (nếu có):
 - Tổng diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): Theo bảng thống kê chi tiết đính kèm.
 - Tổng diện tích sàn: Theo bảng thống kê chi tiết đính kèm.
 - + Chiều cao công trình: Theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm định.
 - + Số tầng: Theo bảng thống kê chi tiết đính kèm.
3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01144, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/5/2017.
4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Chưa có công trình đã khởi công.
5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Phòng KT&HT huyện;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Bình

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số: 145/GPXD ngày 30/12/2021 do UBND huyện Tân Châu cấp)

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nông Trang Xanh.
- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín.
- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54, tại xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích khu đất 116.562m².

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Diện tích xây dựng tầng 1 (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số tầng
01	Nhà heo nọc	1	210	210	1
02	Phòng pha chế tinh	1	40	40	1
03	Nhà heo nái đẻ	6	6624	6624	1
04	Nhà heo mang thai cai sữa số 1	1	1756,4	1756,4	1
05	Nhà heo mang thai cai sữa số 2	1	1658,5	1658,5	1
06	Nhà heo mang thai cai sữa số 3	1	1756,4	1756,4	1
07	Nhà heo mang thai hậu bị	1	1505,5	1505,5	1
08	Nhà heo cách ly số 1	1	301	301	1
09	Nhà heo cách ly số 2,3	1	602	602	1
10	Trạm cân 40T	1	36	36	1
11	Nhà bảo vệ	1	35	35	1
12	Nhà sát trùng xe	1	72	72	1
13	Kho sát trùng dụng cụ	1	20	20	1
14	Nhà để xe	1	90	90	1
15	Nhà khách chờ trước cổng hình lục giác	1	/	/	/
16	Nhà ở cách ly người vào trại	1	85	85	1
17	Nhà công nhân số 1	1	/	/	/
18	Bồn tháp nước sinh hoạt	1	12,75	12,75	1
19	Nhà ăn, bếp nấu ăn	1	144,5	144,5	1
20	Nhà công nhân số 2	1	/	/	/
21	Nhà kỹ thuật	1	210	210	1
22	Nhà phơi đồ	1	32	32	1



23	Nhà điều hành	1	291,4	291,4	1
24	Hồ sát trùng xe	1	28	28	1
25	Nhà máy phát điện	1	112	112	1
26	Nhà làm việc khu cách ly	1	108,1	108,1	1
27	Trạm điện 3 pha 320KVA	1	16	16	1
28	Nhà nghỉ trưa	1	/	/	/
29	Kho cơ khí	1	70	70	1
30	Kho để dụng cụ	1	35	35	1
31	Kho để hóa chất, vôi	1	35	35	1
32	Kho cám heo con	1	70	70	1
33	Tháp nước heo uống 20m ³	1	4,62	4,62	1
34	Bể nước heo uống 300m ³	1	82,56	82,56	1
35	Hồ chứa nước lót bạt 1 ly	2	/	/	/
36	Tháp nước xịt rửa chuồng 20m ³	1	4,62	4,62	1
37	Bể nước rửa chuồng 300m ³	1	82,56	82,56	1
38	Silo tổng 18 tấn	3	48	48	1
39	Nhà chờ xuất heo con	1	140	140	1
40	Silo cám	8	128	128	1
41	Bể ngâm rửa đàn	6	9,62	9,62	1
42	Nhà xuất heo loại	1	49	49	1
43	Nhà để phân	1	105	105	1
44	Kho CTNH	1	21	21	1
45	Nhà đặt lò đốt xác	1	35	35	1
46	Hầm tiêu hủy xác heo	1	72	72	1
47	Sân phơi bùn	1	150	150	1
48	Nhà đặt máy ép phân	1	70	70	1
49	Nhà ủ phân vi sinh	1	105	105	1
50	Hồ City đường kính 6m, sâu 5m	1	64,75	64,75	1
51	Bể biogas 1	1	/	/	/
52	Bể biogas 2	1	/	/	/
53	Hồ lắng – điều hòa 1	1	/	/	/

54	Hồ lắng – điều hòa 2	1	/	/	/
55	Hồ sinh học	1	/	/	/
56	Hồ chứa nước sau xử lý	1	/	/	/
57	Cụm XLNT	1	200	200	1
58	Nhà điều hành XLNT	1	40	40	1
59	Hồ chứa nước tái sử dụng lót bạt	1	/	/	/
60	Hồ sự cố	1	/	/	/
61	Hồ chứa nước mưa	1	/	/	/
62	Kim thu sét: 03 kim R140m	/	/	/	/
63	Đường dẫn heo có mái che	1	500	500	1
64	Nhà sát trùng xe công phụ	1	48	48	1
65	Khu sát trùng trước trại: 5x10m, sân bê tông 5x20m	1	150	150	1
66	Đất dự trữ chôn xác heo	/	/	/	/
67	Đất cây xanh và giao thông	/	/	/	/
	Tổng cộng		18066,28	18066,28	

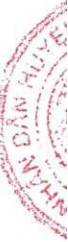


PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
 (điều chỉnh Giấy phép xây dựng số 145/GPXD ngày 30/12/2021 do
 UBND huyện Tân Châu cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại
 Nông Trang Xanh (điều chỉnh lần 1))

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

- Điều chỉnh tên hạng mục công trình và diện tích các hạng mục công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất của Giấy phép xây dựng số 145/GPXD ngày 30/12/2021, cụ thể như sau:

STT	Giấy phép xây dựng đã được cấp	Nội dung điều chỉnh Giấy phép xây dựng	Diện tích tăng (+) hoặc giảm (-)
01	Nhà heo nọc diện tích xây dựng 210 m²	Không xây dựng	- 210 m ²
02	Phòng pha chế tinh diện tích xây dựng 40 m²	Không xây dựng	- 40 m ²
03	Nhà heo nái đẻ (6 nhà, 01 nhà: 1.104 m ²) diện tích xây dựng 6.624 m²	Nhà đẻ (02 nhà, 01 nhà 2.209,41 m ²) diện tích 4.418.82 m²	-2.205,18 m ²
04	Nhà heo mang thai cai sữa số 1 diện tích 1.756,4 m²	Nhà mang thai (02 nhà, 01 nhà 2.566,32 m ²) diện tích 5.132,64 m²	-1.544,28 m ²
05	Nhà heo mang thai cai sữa số 2 diện tích 1.658,5 m²		
06	Nhà heo mang thai cai sữa số 3 diện tích 1.756,4 m²		
07	Nhà heo mang thai hậu bị diện tích 1.505,5 m²		
08	Nhà heo cách ly số 1 diện tích 301 m²	Nhà heo cách ly diện tích 466,40 m²	- 436,60 m ²
09	Nhà heo cách ly số 2,3 diện tích 602 m²		
10	-	Nhà phát triển hậu bị diện tích 530,86 m²	+ 530,86 m ²
11	-	Công chính & bảng hiệu	-



12	Trạm cân 40T diện tích 36 m²	Cân điện tử 2.0 tấn diện tích 23,24 m²	- 12,76 m ²
13	-	Phòng cân diện tích 9,60 m²	+ 9,60 m ²
14	Nhà bảo vệ diện tích 35 m²	Nhà bảo vệ & để xe diện tích 92,61 m²	+ 57,61 m ²
15	Nhà sát trùng xe điện tích 72 m²	Nhà sát trùng xe tải diện tích 94 m²	22,00 m ²
16	Kho sát trùng dụng cụ diện tích 20 m²	Không xây dựng	- 20 m ²
17	-	Nhà sát trùng tài xế (2 nhà, 01 nhà 14,48 m ²) diện tích 28,96 m²	+ 28,96 m ²
18	-	Nhà sát trùng khu sinh hoạt diện tích 68,31 m²	+ 68,31 m ²
19	-	Nhà sát trùng khu sản xuất diện tích 146,63 m²	+ 146,63 m ²
20	Nhà để xe diện tích 90 m²	Không xây dựng	- 90 m ²
21	Nhà ở cách ly người vào trại diện tích 85 m²	Nhà ở cách ly diện tích 42,84 m²	- 42,16 m ²
22	-	Nhà công nhân cách ly diện tích 35,36 m²	+ 35,36 m ²
23	-	Nhà ở 1 - 11p diện tích 248,56 m²	+ 248,56 m ²
24	Bồn tháp nước sinh hoạt diện tích 12,75 m²	Không xây dựng	- 12,75 m ²
25	Nhà ăn, bếp nấu ăn diện tích 144,5 m²	Nhà ăn + bếp diện tích 190,90 m²	+ 46,40 m ²
26	-	Nhà ở 2 - 11p diện tích 248,56 m²	+ 248,56 m ²
27	Nhà kỹ thuật diện tích 210 m²	Không xây dựng	- 210 m ²
28	Nhà phơi đồ diện tích 32 m²	Không xây dựng	+ 32 m ²
29	Nhà điều hành diện tích 291,4 m²	Nhà văn phòng diện tích 117,88 m²	- 173,52 m ²

30	Hố sát trùng xe điện tích 28 m²	Không xây dựng	- 28 m ²
31	Nhà máy phát điện diện tích 112 m²	Nhà máy phát điện diện tích 92,66 m²	- 19,34 m ²
32	Nhà làm việc khu cách ly diện tích 108,1 m²	Không xây dựng	- 108,1 m ²
33	Trạm điện 3 pha 320KVA diện tích 16 m²	Trạm biến áp diện tích 9,00 m²	- 7,00 m ²
34	Kho cơ khí diện tích 70 m²	Kho dụng cụ cơ khí diện tích 92,66 m²	+ 22,66 m ²
35	-	Kho thuốc + nhà vệ sinh diện tích 28,56 m²	+ 28,56 m ²
36	Kho để dụng cụ điện tích 35 m²	Không xây dựng	- 35 m ²
37	Kho để hóa chất, vôi diện tích 35 m²	Kho chứa vôi diện tích 15 m²	- 20,00 m ²
38	Kho cám heo con diện tích 70 m ²	Không xây dựng	- 70 m ²
39	-	Kho chứa đồ phục vụ nhà mang thai diện tích 10,24 m²	+ 10,24 m ²
40	Tháp nước heo uống 20m ³ diện tích 4,62 m²	Tháp nước 40m ³ (phần móng) diện tích 50,92 m²	+ 46,30 m ²
41	Bể nước heo uống 300m ³ diện tích 82,56 m²	Bể nước 600m ³ diện tích 140,63 m²	+ 58,07 m ²
42	Tháp nước xịt rửa chuồng 20m ³ diện tích 4,62 m²	Không xây dựng	- 4,62 m ²
43	Bể nước rửa chuồng 300 m ³ diện tích 82,56 m²	Không xây dựng	- 82,56 m ²
44	Silo tổng 18 tấn (3 cái, 01 cái 16 m ²) diện tích 48 m²	Móng silo cám (08 cái, 01 cái 11,2225 m ²) diện tích 89,78 m²	+ 41,78 m ²



45	Nhà chờ xuất heo con diện tích 140 m²	Nhà xuất heo con diện tích 107,64 m²	- 32,36 m ²
46	Silo cám (8 cái, 01 cái 16 m ²) diện tích 128 m²	Không xây dựng	- 128 m ²
47	Bể ngâm rửa đàn (6 cái, 01 cái 1,6033 m ²) diện tích 9,62 m²	Không xây dựng	- 9,62 m ²
48	Nhà xuất heo loại diện tích 49 m²	Không xây dựng	- 49 m ²
49	Nhà để phân diện tích 105 m²	Nhà để phân diện tích 105 m²	--
50	Kho CTNH diện tích 21m²	Kho CTNH diện tích 21m²	--
51	Nhà đặt lò đốt xác diện tích 35 m²	Nhà đặt lò đốt xác diện tích 35 m²	--
52	Hầm tiêu hủy xác heo diện tích 72 m²	Hầm tiêu hủy xác heo diện tích 72 m²	--
53	-	Hàng rào gạch (1200m)	--
54	-	Hàng rào gạch + lưới b40 (1200m)	--
55	-	Hàng rào lưới b40 (968m)	--
56	-	Đài xuất heo (03 cái, 01 cái 26,04 m ²) diện tích 78,12 m²	+ 78,12 m ²
57	-	Đài nhập heo (03 cái, 01 cái 26,04 m ²) diện tích 78,12 m²	+ 78,12 m ²
58	-	Cầu xuất/nhập heo diện tích 50 m²	+ 50 m ²
59	-	Đường nội bộ & sân bãi diện tích 8.800 m²	+ 8.800 m ²
60	-	Đường đi bộ diện tích 1.680 m²	+ 1.680 m ²
61	-	Nhà tắm khu hủy xác diện tích 6,48 m²	+ 6,48 m ²

62	-	Nhà rửa xe & kho diện tích 144,29 m²	+ 144,29 m ²
63	-	Nhà ở và kho rửa xe diện tích 41,54 m²	+ 41,54 m ²
64	-	Bể nước làm mát (20 bể, 01 bể 4 m ²) diện tích 80 m²	+ 80 m ²
65	-	Nhà điện (15 cái, 01 cái 4,68 m ²) diện tích 70,20 m²	+ 70,20 m ²
66	-	Nhà vận hành bể nước diện tích 93,75 m²	+ 93,75 m ²
67	Sân phơi bùn diện tích 150 m²	Sân phơi bùn diện tích 150 m²	-
68	Nhà đặt máy ép phân diện tích 70 m²	Nhà đặt máy ép phân diện tích 70 m²	-
69	Nhà ủ phân vi sinh diện tích 105 m²	Nhà ủ phân vi sinh diện tích 105 m²	-
70	Hồ city đường kính 6m, sâu 5m diện tích 64,75 m²	Hồ city đường kính 6m, sâu 5m diện tích 64,75 m²	-
71	-	Bể biogas 1 diện tích 450 m²	+ 450 m ²
72	-	Bể biogas 2 diện tích 1.500 m²	+ 1.500 m ²
73	-	Hồ lắng – điều hòa 1 , diện tích 450 m²	+ 450 m ²
74	-	Hồ lắng – điều hòa 2 diện tích 2.400 m²	+ 2.400 m ²
75	-	Hồ sinh học diện tích 1.800 m²	+ 1.800 m ²
76	-	Hồ chứa nước sau xử lý diện tích 1.800 m²	+ 1.800 m ²
77	Cụm XLNT diện tích 200 m²	Cụm XLNT diện tích 200 m²	-
78	Nhà điều hành XLNT diện tích 40 m²	Nhà điều hành XLNT diện tích 40 m²	-

88	-	Hồ chứa nước tái sử dụng lót bạt diện tích 150 m²	+ 150 m ²
89	-	Hồ sục cố diện tích 1.800 m²	+ 1.800 m ²
90	-	Hồ chứa nước mưa diện tích 2.400 m²	+ 2.400 m ²
91	Đường dẫn heo có mái che diện tích 500 m²	Đường lùa heo 1 diện tích 334,80 m²	- 165,20 m ²
92	-	Đường lùa heo 2 diện tích 423,30 m²	+ 423,30 m ²
93	Nhà sát trùng xe công phụ diện tích 48 m²	Không xây dựng	- 48 m ²
94	Khu sát trùng trước trại 5x10m, Sân bê tông 5x20m Diện tích 150 m²	Không xây dựng	- 150 m ²
Tổng cộng	Diện tích theo GPXD: 18.066,28 m²	Diện tích điều chỉnh GPXD: 38.026,60 m²	+ 19.960,32 m²

- Mật độ xây dựng: 32,62%, hệ số sử dụng đất: 0,3262.
- Chi tiết điều chỉnh theo Hồ sơ thiết kế điều chỉnh được phê duyệt.
- Hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh do: Công ty Cổ phần Xây dựng 48 thiết kế (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BDG-00014181 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/3/2020).
- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế kiến trúc: Lê Quang Ninh (chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00071483 do Sở Xây dựng TP.HCM cấp ngày 19/9/2019, lĩnh vực thiết kế kiến trúc công trình hạng II).
- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế kết cấu: Nguyễn Văn Phúc (chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BRV-00023895 do Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 02/01/2020, lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp hạng II).
- Đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh (Công văn số 2866/SNN-TTĐ ngày 05/8/2024 về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (thiết kế cơ sở điều chỉnh) đối với Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nông Trang Xanh).
- Các nội dung khác của Giấy phép xây dựng số 145/GPXD ngày 30/12/2021 không thay đổi.

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp (đối với nội dung điều chỉnh), quá thời hạn nêu trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Tân Châu, ngày ..09. tháng ..9... năm 2024

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Phòng KT&HT huyện;
- UBND xã Tân Hội;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Bình

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
(Kèm theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép xây dựng số: 145/GPXD ngày
30/12/2021 của UBND huyện Tân Châu)

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nông Trang Xanh.
- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín.
- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích đất: 116.562m², tại ấp Hội Tân, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích mặt đất sử dụng: 116.562m².

TT	Hạng mục	SL	Rộng (m)	Dài (m)	Diện tích (m ²)	Số tầng
I	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH					
1	Nhà đẻ	2	29,4	75,15	4.418,82	1
2	Nhà mang thai	2	27,2	94,35	5.132,64	1
3	Nhà heo cách ly	1	11	42,4	466,40	1
4	Nhà phát triển hậu bị	1	7,6	69,85	530,86	1
II	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ					
5	Cổng chính & bảng hiệu	1	-	-	-	-
6	Cân điện tử 2.0 tấn	1	3,25	7,15	23,24	
7	Phòng cân	1	3	3,2	9,60	1
8	Nhà bảo vệ & để xe	1	6,3	14,70	92,61	1
9	Nhà sát trùng xe tải	1	4,7	20	94,00	1
10	Nhà sát trùng tài xế	2	2	7,24	28,96	1
11	Nhà sát trùng khu sinh hoạt	1	6,9	9,9	68,31	1
12	Nhà sát trùng khu sản xuất	1	11,5	12,75	146,63	1
13	Nhà ở cách ly	1	5,1	8,4	42,84	1
14	Nhà công nhân cách ly	1	5,2	6,8	35,36	1
15	Nhà ở 1 - 11p	1	5,2	47,8	248,56	1
16	Nhà ăn + bếp	1	8,3	23	190,90	1
17	Nhà ở 2 - 11p	1	5,2	47,8	248,56	1
18	Nhà văn phòng	1	5,6	21,05	117,88	1
19	Nhà máy phát điện	1	8,2	11,3	92,66	1
20	Trạm biến áp	1	3	3	9,00	
21	Kho dụng cụ cơ khí	1	8,2	11,3	92,66	1



22	Kho thuốc + nhà vệ sinh	1	4,2	6,8	28,56	1
23	Kho chứa vôi	1	3	5	15,00	1
24	Kho chứa đồ phục vụ nhà mang thai	1	3,2	3,2	10,24	1
25	Tháp nước 40m ³ (phần móng)	1	6,7	7,6	50,92	
26	Bể nước 600m ³	1	7,5	18,75	140,63	
27	Móng silo cám	8	3,35	3,35	89,78	
28	Nhà xuất heo con	1	10,35	10,40	107,64	1
29	Hàng rào gạch	Hệ thống			-	
30	Hàng rào gạch + lưới b40	Hệ thống			-	
31	Hàng rào lưới b40	Hệ thống			-	
32	Đài xuất heo	3	4,2	6,2	78,12	1
33	Đài nhập heo	3	4,2	6,2	78,12	1
34	Cầu xuất/nhập heo	1	5	10	50,00	
35	Đường nội bộ & sân bãi	1	5	1.760	8.800,00	
36	Đường đi bộ	1	1,2	1.400	1.680,00	
37	Nhà tắm khu hủy xác	1	2	3,24	6,48	1
38	Nhà rửa xe & kho	1	5,8	20,4	144,29	1
39	Nhà ở và kho rửa xe	1	6,2	6,7	41,54	1
40	Bể nước làm mát	20	2	2	80,00	
41	Nhà điện	15	1,8	2,6	70,20	1
42	Nhà vận hành bể nước	1	7,5	12,5	93,75	1
43	Đường lùa heo 1	1	1,2	279	334,80	
44	Đường lùa heo 2	1	1,7	249	423,30	
III	CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG					
45	Nhà ủ phân	1	7	15	105,00	1
46	Kho CTNH	1	3	7	21,00	1
47	Nhà đặt lò đốt xác	1	5	7	35,00	1
48	Hầm tiêu hủy xác heo	1	6	12	72,00	
49	Sân phơi bùn	1	10	15	150,00	

50	Nhà đặt máy ép phân	1	7	10	70,00	1
51	Nhà ủ phân vi sinh	1	7	15	105,00	1
52	Hồ city đường kính 6m, sâu 5m	1			64,75	
53	Bể biogas 1	1	15	30	450,00	
54	Hồ lắng – điều hòa 1	1	15	30	450,00	
55	Bể biogas 2	1	25	60	1.500,00	
56	Hồ lắng – điều hòa 2	1	40	60	2.400,00	
57	Hồ sinh học	1	30	60	1.800,00	
58	Hồ chứa nước sau xử lý	1	30	60	1.800,00	
59	Cụm XLNT	1	10	20	200,00	
60	Nhà điều hành XLNT	1	4	10	40,00	1
61	Hồ chứa nước tái sử dụng lót bạt	1	10	15	150,00	
62	Hồ sục cố	1	30	60	1.800,00	
63	Hồ chứa nước mưa	1	30	80	2.400,00	
TỔNG CỘNG					38.026,6	

